

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/2024/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá
hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài
chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm
định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài
chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí
bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích dự báo giá thị trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5252/TTr-STC ngày
29 tháng 8 năm 2024 về dự thảo Quyết định về một số quy định quản lý nhà nước về
giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội, Công văn số 7628/STC-
PC&CSTC ngày 05 tháng 12 năm 2024 về Quyết định ban hành Quy định một số*

nội dung quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội, báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 258/BC-STP ngày 29 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc, thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Sỹ Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số nội dung quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội, không bao gồm quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Luật Giá và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội phù hợp với trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước của thành phố Hà Nội.

Chương II

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Bình ổn giá

1. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa,

dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính.

2. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện bình ổn giá:

a) Việc thực hiện bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Luật Giá

Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trong trường hợp tổ chức thực hiện bình ổn giá theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật Giá, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố Thành phố báo cáo Bộ chuyên ngành, cơ quan ngang Bộ kết quả thực hiện thực hiện bình ổn giá.

b) Việc thực hiện bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Luật Giá

b1) Đối với việc bình ổn giá trên phạm vi cả nước, Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trong trường hợp tổ chức thực hiện bình ổn giá theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 20 của Luật Giá.

b2) Đối với việc bình ổn giá tại phạm vi địa phương, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo điểm b khoản 2, Điều 20 của Luật Giá và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

Điều 5. Định giá

1. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ (quy định tại Phụ lục 01) có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

2. Lập phương án giá:

a) Việc lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

b) Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ (quy định tại Phụ lục 01) thực hiện lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

3. Thẩm định phương án giá:

a) Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố định giá,

hình thức định giá và trách nhiệm thẩm định phương án giá được quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quy định này.

b) Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ (quy định tại Phụ lục 01) có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Tài chính và cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thẩm định phương án giá.

4. Trình phương án giá:

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ (quy định tại Phụ lục 01) có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ (quy định tại Phụ lục 01) có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá; ban hành văn bản định giá cụ thể sau khi có văn bản định giá khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu của Bộ chuyên ngành sau khi rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá.

Điều 6. Hiệp thương giá

Sở quản lý ngành, lĩnh vực có thẩm quyền, trách nhiệm hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý trừ trường hợp hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý mà bên mua, bên bán hoặc cả 02 bên là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc đối tượng quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 7. Kê khai giá

1. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính.

2. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá:

a) Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định

tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá, có quyền yêu cầu các tổ chức thực hiện kê khai giá bổ sung đầy đủ nội dung kê khai giá trong trường hợp kê khai thiếu nội dung theo quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Đối tượng phải kê khai giá: Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Hà Nội và nằm trong danh sách đối tượng phải kê khai giá theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

c) Cơ quan tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm thông báo hình thức tiếp nhận kê khai giá cho các tổ chức cá nhân thực hiện kê khai.

3. Ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá:

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thực hiện rà soát, tổng hợp danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo ngành, lĩnh vực quản lý, đảm bảo không thuộc danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, thông báo danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố.

Điều 8. Cơ sở dữ liệu về giá

1. Quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá của Thành phố:

Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức việc quản trị, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá của Thành phố; ban hành quyết định về quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá của Thành phố.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính xây dựng cơ sở dữ liệu về giá của Thành phố theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

3. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của Thành phố:

a) Các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu sau vào Cơ sở dữ liệu về giá của Thành phố:

a1) Giá tính lệ phí trước bạ do các cơ quan, tổ chức chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân cấp Thành phố ban hành theo quy định của pháp luật;

a2) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân

Thành phố do các cơ quan, tổ chức trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành;

a3) Danh sách các tổ chức kinh doanh dịch vụ, hàng hóa thực hiện kê khai giá tại các cơ quan, tổ chức;

a4) Giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền các cơ quan, tổ chức tiếp nhận kê khai giá;

a5) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá;

a6) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố do các cơ quan, tổ chức chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

b) Ngoài quy định tại điểm a khoản này, Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhật báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính vào Cơ sở dữ liệu về giá của Thành phố.

4. Thời điểm cập nhật thông tin, dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu về giá của Thành phố:

a) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu định kỳ 01 lần/tháng (chậm nhất ngày 03 hằng tháng) đối với thông tin, dữ liệu được quy định tại điểm a6, b khoản 3 Điều này;

b) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu thường xuyên (trong 05 ngày kể từ khi văn bản, quyết định về thông tin, dữ liệu có hiệu lực) đối với các thông tin, dữ liệu được quy định tại điểm a1, a2, a3, a4, a5 khoản 3 Điều này.

Điều 9. Báo cáo giá thị trường

1. Báo cáo giá thị trường định kỳ

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ thuộc lĩnh vực quản lý và địa bàn quản lý theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính gửi Sở Tài chính tổng hợp. Báo cáo định kỳ gửi Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính.

b) Giao Sở Tài chính xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ của Thành phố gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tổng hợp theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính.

2. Báo cáo giá thị trường đột xuất

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương để gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT- BTC; tham mưu UBND Thành phố báo cáo giá thị trường đột xuất trình Chính Phủ, Thủ tướng Chính Phủ khi có yêu cầu.

b) Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, tham mưu UBND Thành phố báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính Phủ, Thủ tướng Chính Phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ chuyên ngành.

Điều 10. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá

1. Sở Tài chính:

a) Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của cơ quan và các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Sở quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá:

a) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá trong trường hợp kiểm tra theo quy định điểm a khoản 1 Điều này. Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, giao Sở Tài chính ban hành quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

b) Sở Tài chính, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch, quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá trong trường hợp kiểm tra theo quy định điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Những nội dung quản lý nhà nước về giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 01**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
ĐỊNH GIÁ, HÌNH THỨC ĐỊNH GIÁ VÀ TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH
PHƯƠNG ÁN GIÁ**

*(Kèm theo Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND Ngày 12 tháng 12 năm 2024
của UBND thành phố Hà Nội)*

STT	Nội dung
1	Sở Giao thông vận tải
1.1	Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do Thành phố quản lý
1.2	Khung giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do Thành phố quản lý
1.3	Giá tối đa dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do Thành phố quản lý
1.4	Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do Thành phố quản lý
1.5	Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô
1.6	Giá cụ thể dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị
1.7	Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước
2	Sở Xây dựng
2.1	Giá cụ thể giá nước sạch
2.2	Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước
2.3	Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)
2.4	Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước
3	Sở Tài nguyên và Môi trường
3.1	Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ

STT	Nội dung
3.2	Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt
3.3	Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân
4	Sở Công thương
4.1	Giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5.1	Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của Thành phố
5.2	Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Thành phố
5.3	Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của Thành phố
6	Sở Y tế
6.1	Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập
6.2	Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập
7	Sở Tư pháp
7.1	Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng
8	Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ
8.1	Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở Thành phố do cơ quan chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thẩm định phương án giá
8.2	Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ

PHỤ LỤC 02**CƠ QUAN TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ**

*(Kèm theo Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND Ngày 12 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước	
I	Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng	Sở quản lý ngành, lĩnh vực được giao thẩm định phương án giá thực hiện tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền thẩm định giá của mình
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương
5	Than	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm	Sở Giao thông vận tải
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông vận tải
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
15	Thiết bị y tế	Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại Thành phố	
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân cấp huyện

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa-đường biển	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường